

Bản án số: 28/2025/HS-PT
Ngày 04-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Ma Thị Tuyết Mai và ông Bàn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đậu Thị Tuyết Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử của trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2025/TLPT-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo Nông Thị Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST, ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị cáo có kháng cáo:** **NÔNG THỊ Đ**, sinh ngày 17/9/1965, tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn K, xã Y, tỉnh Tuyên Quang).

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/10; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đ3 (sinh hoạt tại Chi bộ thôn K, Đảng ủy xã K, huyện N (cũ), tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số: 133-QĐ/UBKTHU, ngày 06/02/2025 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy N4 (cũ), tỉnh Tuyên Quang).

Con ông Nông Văn Đ (đã chết) và bà Nông Thị T, sinh năm 1944.

Chồng: Vi Văn N, sinh năm 1965.

Con: Có 03 người con; con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 03 bị cáo và 02 bị hại không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2023 (không xác định được ngày cụ thể), do có nhu cầu sửa nhà, nên Nông Thị Đ1 và chồng là Vi Văn N thống nhất sẽ đi khai thác cây gỗ Nghiến bị bật gốc, đổ do thiên tai từ lâu, tại Lô D, Khoảnh 413, chức năng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, tiếp giáp khu vực gia đình đang canh tác làm nương và đối diện Trường P1 bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở K, thuộc thôn K, xã K, huyện N (cũ), tỉnh Tuyên Quang để sử dụng. Trong thời gian khoảng 01 tuần sau đó, Đình cùng N đã sử dụng máy cưa xăng khai thác được 03 đoạn gỗ Nghiến, trong đó 01 đoạn dài khoảng 02m, đường kính khoảng 100cm (bị rỗng) và 02 đoạn dài khoảng 03m, đường kính khoảng 100cm. Tiếp đó, Đình cùng N và con trai là Vi Văn P, cháu ngoại là Nông Mạnh H đã vận chuyển 03 đoạn gỗ N3 đem về cất giấu tại khu vực bãi đất trống, gần đường bê tông đi vào khu dân cư K, thuộc thôn K, xã K, cách nhà Vi Thị L, sinh năm 1987 (con gái Nông Thị Đ1), trú tại thôn K, xã K, huyện N (cũ) khoảng 30m (trước khi đi vận chuyển gỗ N3 đem về cất giấu thì Đ1 nói với P và H là tao xin phép họ cho khai thác rồi đi hộ nhau kéo về). Do đoạn gỗ Nghiến dài khoảng 02m, đường kính khoảng 100cm, bị rỗng nên Đ1 đã sử dụng để làm củi đun hết. Đến đầu tháng 02/2024, N sử dụng máy cưa xăng cắt xẻ 02 đoạn gỗ Nghiến dài khoảng 03m, đường kính khoảng 100cm được 09 tấm, có kích thước dài khoảng 03m, rộng khoảng từ 70cm đến 90cm, dày từ khoảng 10cm đến 15cm. Sau đó, vận chuyển 02 tấm gỗ N3 đã cắt xẻ được đem về cất giấu ở dưới gầm sàn nhà của Vi Thị L, còn lại 07 tấm thì để tại vị trí đã cắt xẻ.

Ngày 23/02/2024, sau khi nhận được thông tin phản ánh của quần chúng nhân dân về việc tàng trữ gỗ Nghiến trái pháp luật tại nhà Nông Thị Đ. Tổ công tác của Trạm Kiểm lâm K1 (cũ), Công an xã K (cũ), chính quyền xã K (cũ), gồm:

- B - Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm K1.
- Hoàng Văn T1 - Kiểm lâm viên Trạm Kiểm lâm K1.
- Châu Văn T2 - Kiểm lâm viên, Trạm Kiểm lâm Khâu Tinh.
- Lộc Văn T3 - Phó Trưởng Công an xã K.
- Hoàng Minh T4 - Công an viên, Công an xã K.
- Lầu Văn T5 - Công an viên, Công an xã K.
- Vi Thị H1 - Công chức Địa chính Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Tiến hành xác minh, phát hiện có 02 tấm gỗ Nghiến có tổng khối lượng là $0,568\text{m}^3$ (quy tròn là $0,908\text{m}^3$) cất giấu tại vị trí bên dưới gầm sàn nhà của Vi Thị L và 07 tấm gỗ Nghiến có tổng khối lượng là $1,566\text{m}^3$ (quy tròn là $2,506\text{m}^3$) cất giấu tại khu vực bãi đất trống, gần đường bê tông đi vào khu dân cư K, thuộc thôn K, xã K, cách nhà Vi Thị L khoảng 30m. Tại thời điểm xác minh, Đình thừa nhận 09 tấm gỗ Nghiến trên là của Đ1, do Đình cùng chồng là N đã khai thác được từ cây gỗ Nghiến bị bật gốc, đổ do thiên tai từ lâu, tại khu vực gia đình đang canh tác làm nương, thuộc thôn K, xã K, Đình không xuất trình được hồ sơ, giấy tờ gì về nguồn gốc gỗ. Khi xác minh thì Lầu Văn T5 đã sử dụng điện thoại di động để quay lại nội dung sự việc. Sau đó, Tổ công tác tiến hành lập biên bản (Hoàng Văn T1 là người lập biên bản) và đo đếm xác định khối lượng 09 tấm gỗ Nghiến, có tổng khối lượng là $2,134\text{m}^3$. Tiếp đó, Lộc Văn T3 đã tiến hành ghi lời khai của Đình thể hiện việc Đình cùng chồng là N đã khai thác được từ cây gỗ Nghiến bị

bật gốc, đổ do thiên tai từ lâu, tại khu vực gia đình đang canh tác làm nương thuộc thôn K, xã K (cũ), rồi đem về xẻ được 09 tấm gỗ Nghiến, rồi bàn giao lại Biên bản ghi lời khai của Đình cho Hoàng Văn T1. Đến tối cùng ngày, T1 đã chuyển lại toàn bộ tài liệu xác minh ban đầu gồm có: Biên bản xác minh, Bảng kê lâm sản, Biên bản ghi lời khai, Bản tự khai của Nông Thị Đ1 cho Bàn Thái T6. Ngày 28/02/2024, Tổ công tác gồm: - Hoàng Văn T1 - Kiểm lâm viên, Trạm Kiểm lâm Khâu Tinh; Hà Văn T7 - Công an viên, Công an xã K; Châu Minh H2 - Nhân viên tuần rừng, Trạm Kiểm lâm Khâu Tinh; Nông Văn N1 - Nhân viên tuần rừng, Trạm Kiểm lâm Khâu Tinh, được Đình trực tiếp chỉ dẫn, đưa đến hiện trường nơi Đình cùng chồng khai thác gỗ Nghiến vào tháng 11 năm 2023 để tiến hành xác minh. Quá trình xác minh, xác định vị trí Đ1 và N khai thác gỗ Nghiến tại Lô D, Khoảnh 413, chức năng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, thuộc thôn K, xã K. Tại hiện trường phát hiện 01 gốc cây gỗ Nghiến bị bật gốc, đổ do thiên tai, vị trí tiếp giáp đoạn ngọn có dấu vết bị cắt bằng máy cưa xăng.

Đến giữa tháng 3 năm 2024 (không xác định được ngày cụ thể), Bàn Thái T6 chỉ đạo Trưởng tách hồ sơ vụ Nông Thị Đ tàng trữ trái phép 09 tấm gỗ Nghiến, phát hiện ngày 23/02/2024 thành 02 hồ sơ để xử lý hành chính, gồm:

- 01 hồ sơ vụ Nông Thị Đ có hành vi Tàng trữ trái phép 02 tấm gỗ Nghiến, có tổng khối lượng 0,568m³.

- 01 vụ Tàng trữ trái phép 07 tấm gỗ Nghiến, có tổng khối lượng 1,566m chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp (gỗ vô chủ); đồng thời, Bàn Thái T6 chỉ đạo Trưởng hoàn thiện các thủ tục ban đầu, gồm: Biên bản xác minh, ngày 23/02/2024; Bảng kê lâm sản (lập 02 bản, gồm 01 Bảng kê 02 tấm gỗ Nghiến, có khối lượng 0,568m cất giấu dưới gầm sàn nhà Vi Thị L1 là của Đ1 và 01 Bảng kê 07 tấm gỗ Nghiến, có khối lượng 1,566m cất giấu tại khu vực bãi đất trống, cách nhà L1 khoảng 30m không phải của bà Đ1); Biên bản vi phạm hành chính; Biên bản tạm giữ tang vật vi phạm hành chính; Biên bản ghi lời khai của Đ1 để làm căn cứ ra Quyết định xử phạt và chuyển ra Hạt Kiểm lâm huyện N để kiểm tra, thẩm định hồ sơ.

Sau đó, T1 viết nhập Biên bản ghi lời khai của Đ1 (có chữ ký của Đ1) thể hiện nguồn gốc 02 tấm gỗ Nghiến cất giấu dưới gầm sàn nhà của Vi Thị L, là do Đình mua lại của 02 người không quen biết rồi chụp ảnh gửi qua tin nhắn Zalo để T6 xem trước nhưng T6 không đồng ý. Rồi T1 hướng dẫn Đ1 khai nhận 02 tấm gỗ Nghiến, có khối lượng 0,568m, cất giấu dưới gầm sàn nhà con gái Đình là Vi Thị L là của Đ1, có nguồn gốc mua lại của Quan Văn T8, trú tại thôn K, xã K, huyện N (cũ), tỉnh Tuyên Quang (đã chết) và 07 tấm gỗ Nghiến, có khối lượng 1,566m cất giấu tại khu vực bãi đất trống, cạnh đường bê tông đi vào khu dân cư K, thuộc thôn K, xã K không phải của Đ1.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ vụ Nông Thị Đ có hành vi tàng trữ trái phép 02 tấm gỗ Nghiến, có khối lượng 0,568m, T1 chuyển hồ sơ cho T6 để xem, rồi chuyển ra Hạt Kiểm lâm huyện N (cũ) để nhờ Hoàng Văn T9 là Kiểm lâm viên phụ trách pháp chế của Hạt Kiểm lâm huyện N kiểm tra giúp các thủ tục, trình tự cần có trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính (quá trình chuyển hồ sơ thì T1 với T6 thay nhau cầm hồ sơ ra để đưa cho Hoàng Văn T9 kiểm tra giúp nên trong hồ sơ mới có một số phần bị gạch bỏ và bản đánh máy trình tự, thủ tục có trong hồ

sơ). Sau khi kiểm tra hồ sơ đảm bảo đủ điều kiện ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định, T1 đã tham mưu cho Bàn Thái T6 ký ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 02/QĐ-XPHC, ghi ngày 01/3/2024 (để cho phù hợp với thời hạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính), đối với Đinh về hành vi Tàng trữ trái phép 02 tấm gỗ Nghiến, có khối lượng 0,568m³ (quy tròn là 0,908m), mức tiền phạt là 7.500.000 đồng. Tiếp đó, T1 lập biên bản giao, nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với Đ1 và lập Biên bản tịch thu tang vật vi phạm hành chính. Đối với, hồ sơ vụ Tàng trữ trái phép 07 tấm gỗ Nghiến, có khối lượng 1,566m³, T1 đã lập Biên bản vi phạm hành chính; Biên bản tạm giữ tang vật vi phạm hành chính, Biên bản làm việc với thôn K, xã K; thông báo tìm chủ chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp để hoàn thiện hồ sơ và tiếp tục xác minh.

Ngày 04/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N (cũ) tiếp nhận đơn tố giác ẩn danh tố giác hành vi của Nông Thị Đ1 và việc không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Đ1.

Ngày 27/9/2024, Bàn Thái T6 có văn bản đề nghị Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện N (cũ) hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 02/QĐ-XPHC, ngày 01/3/2024 do Bàn Thái T6 ký. Ngày 30/9/2024, Hạt Kiểm lâm huyện N (cũ) ra Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số: 01/QĐ-HB, hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 02/QĐ-XPHC, ngày 01/3/2024 của Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm K1 (cũ).

Tiến hành khám nghiệm hiện trường ngày 08/5/2024, xác định: Vị trí cây gỗ N2 bị khai thác trái phép tại Lô D, khoảnh 413 chức năng Rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (theo Quyết định số: 210/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N4 (cũ) về công bố hiện trạng rừng trên địa bàn huyện N năm 2023), thuộc thôn K, xã K, huyện N (cũ), tỉnh Tuyên Quang do Ủy ban nhân dân xã K (cũ) quản lý theo bản đồ quy hoạch phân ba loại rừng.

Tại Kết luận giám định tư pháp số: 371/CNR-VP, ngày 23/5/2024 của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng, đối với mẫu gỗ được thu thập từ gốc cây (kí hiệu số 1); 01 mẫu gỗ được thu thập từ tấm kí hiệu số 01 (kí hiệu số 2); 01 mẫu gỗ được thu thập từ tấm kí hiệu số 09 (kí hiệu số 3), kết luận: 03 là mẫu gỗ đồng nhất 01 chủng loại gỗ; Tên và nhóm gỗ cụ thể như sau:

Tên Việt Nam: Nghiến;

Tên khoa học: B.

Nghiến (B) là loài cây gỗ thuộc chi Nghiến (B), họ Đ2 (T).

Loài N3 (B) được xếp nhóm II trong "Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước" ban hành kèm theo Quyết định số: 2198-CNR, ngày 26/11/1977 của Bộ L3 (nay là Bộ N5).

Loài N3 (*Burretiodendron tonkinensis*) có tên trong nhóm HA của "Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm" ban hành kèm theo Nghị định số: 84/2021/NĐ-CP, ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định: 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ, về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Tại Kết luận giám định số: 1114/KL-KTHS, ngày 23/9/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T đối với 02 video do Lâu Văn T5 giao nộp, kết luận:

- Không xác định được file video gửi giám định ký hiệu A1 có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hay không. Do vậy, không tiến hành các bước giám định tiếp theo.

- Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file video gửi giám định ký hiệu A2.

- Thời gian ghi nhận vụ việc vào ban ngày, trời sáng. Không gian ghi hình vụ việc trên nền đất, phía dưới gầm sàn nhà, khu vực ghi hình có các thanh, hộp gỗ và các phương tiện, vật dụng nông nghiệp.

Tại Kết luận giám định số: 1389/KL-KTHS, ngày 01/11/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T đối với máy điện thoại di động của Hoàng Văn T1 giao nộp, kết luận:

- Tìm thấy:

+ 23244 tin nhắn đi, đến qua SIM, ứng dụng Zalo, F

+20279 tệp tin hình ảnh.

- Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn qua ứng dụng Telegram.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KLĐG-HĐĐGTSTTH, ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N, kết luận:

- 02 (Hai) tấm gỗ Nghiến dạng gỗ xẻ, bị khai thác trái phép vào tháng 11/2023, tại Lô D, Khoảnh 413, chức năng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, thuộc thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, có khối lượng 0,568m, xác định giá trị: 10.158.390 đồng.

- 07 (Bảy) tấm gỗ Nghiến dạng gỗ xẻ, bị khai thác trái phép vào tháng 11/2023, tại Lô D, Khoảnh 413, chức năng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, thuộc thôn K, xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, có khối lượng 1,566m³, xác định giá trị: 27.807.311 đồng.

Tổng giá trị là: 37.965.701 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm linh một đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST, ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang (cũ), tỉnh Tuyên Quang, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nông Thị Đ phạm T10 “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thị Đ 0 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của 03 bị cáo Vi Văn N, Bàn Thái T6, Hoàng Văn T1, về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2025, bị cáo Nông Thị Đ C đơn kháng cáo với nội dung xin cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thị Đ 0 năm 03 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình Giấy khen có thành tích góp phần tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương giai đoạn 2009-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N4 (cũ) và Giấy xác nhận bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt tù như sau:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Thị Đ 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không có ý kiến tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo Đình nói lời sau cùng là bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương, chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 11 năm 2023 (không xác định được ngày cụ thể) tại Lô D, khoảnh 413 chức năng Rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (theo Quyết định số: 210/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N4 (cũ) về công bố hiện trạng rừng trên địa bàn huyện N năm 2023) thuộc thôn K, xã K, huyện N (cũ), tỉnh Tuyên Quang do Ủy ban nhân dân xã K (cũ) quản lý theo bản đồ quy hoạch phân ba loại rừng, Nông Thị Đ1 và Vi Văn N có hành vi khai

thác trái phép 01 cây gỗ Nghiến (có tên trong nhóm IIA của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm) bị bật gốc, đổ do thiên tai từ lâu được 09 tằm gỗ Nghiến dạng gỗ xẻ, có tổng khối lượng là 2,134m³ (quy tròn 3,414 m³), tổng giá trị 37.965.701 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm linh một đồng).

[3]. Xét nội dung kháng cáo và hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nông Thị Đ L2 nghiêm trọng do lỗi cố ý. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được về hành vi vi phạm của mình, Nhà nước đã tuyên truyền về Luật bảo vệ và Phát triển rừng, nên bị cáo biết được hành vi khai thác gỗ trái phép tại khu vực rừng đặc dụng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo đã cùng chồng là Vi Văn N cùng nhau thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, làm nghiêm trọng thêm hiện tượng khai thác cây rừng trái phép tại khu rừng đặc dụng nói riêng và tại địa phương nói chung. Bị cáo Nông Thị Đ là người khởi xướng, trực tiếp nói với chồng là bị cáo N là đã được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã K (cũ) và Trại trưởng Trại Kiểm lâm K1 (cũ) cho phép khai thác cây gỗ N3 bị đổ, để thúc đẩy bị cáo N cùng mình tích cực khai thác gỗ trái phép và để cho con trai là Vi Văn P, cháu trai là Nông Mạnh H tích cực giúp vận chuyển gỗ đã khai thác trái phép về nơi cất giấu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nông Thị Đ 0 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Đ1 xuất trình tình tiết mới là Giấy khen có thành tích góp phần tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương giai đoạn 2009-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N4 (cũ) và Giấy xác nhận bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà bị cáo Đình mới xuất trình ở cấp phúc thẩm, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nông Thị Đ1, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST, ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang (cũ), tỉnh Tuyên Quang, về hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về án phí: Do được chấp nhận một phần kháng cáo, nên bị cáo Đình không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Đối với bị cáo khác và bị hại của bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST, ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang (cũ), tỉnh Tuyên Quang, không có kháng cáo, kháng nghị, nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nông Thị Đ1, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST, ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang (cũ), tỉnh Tuyên Quang, về hình phạt tù đối với bị cáo như sau:

- *Áp dụng*: Điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 38; 58 của Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt*: Bị cáo **Nông Thị Đ 0** (H3) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nông Thị Đ không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 04/7/2025.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1 TAND tối cao;
- Viện phúc thẩm 1 VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- TAND khu vực 3 - Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 - Tuyên Quang;
- Bị cáo Đình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Văn phòng TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Thị Tuyết Mai Bàn Văn Thế

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh T.Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 3 – Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Văn phòng - TAND tỉnh;
- Lưu HS.

Trần Anh Tuấn